

## TỜ TRÌNH

### V/v: Thông qua Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công nghiệp lạnh Hưng Trí

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Công nghiệp lạnh Hưng Trí;
- Căn cứ Nghị quyết số: 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2015 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên tài khóa 2014

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp lạnh Hưng Trí kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua điều lệ sửa đổi, bổ sung với những nội dung chính sau (gồm 21 nội dung):

Stt	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH 2011	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG 2015	LÝ DO
1	<b>Điều 1. Giải thích từ ngữ, thuật ngữ</b> "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.	<b>Điều 1. Giải thích từ ngữ, thuật ngữ</b> 1. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 có hiệu lực thi hành ngày 01/07/2015.	Theo Luật DN mới
2	<b>Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</b> Khoản 3: Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Tổng Giám đốc.  Khoản 6: Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 50 và Điều 51 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 2 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm.	<b>Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</b> Khoản 3: Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Tổng Giám đốc. <b>Trong trường hợp cần thiết thay đổi hoặc thêm Người đại diện theo pháp luật của Công ty, Công ty phải thực hiện theo quy định của pháp luật.</b> Khoản 5. Chi nhánh Công ty: Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp lạnh Hưng Trí Địa chỉ: A5/ 144H, Đường Kênh 9, Ấp 1, Xã Tân Nhựt, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép. Khoản 6: Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 49, thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm. Khi gia hạn, Công ty thực hiện theo Điều 52.	Theo Điều 13 Khoản 2 & Điều 134 Luật DN mới  Bổ sung Chi nhánh Công ty.

3	<p><b>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần</b></p> <p>Khoản 1. Vốn điều lệ của Công ty là: <b>61.521.040.000 VNĐ (Sáu mươi một tỷ năm trăm hai mươi một triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).</b></p> <p>Khoản 2. Công ty có thể <b>tăng</b> vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p>	<p><b>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần</b></p> <p>Khoản 1. Vốn điều lệ của Công ty là: <b>53.711.030.000 (Năm mươi ba tỷ bảy trăm mười một triệu lẻ ba mươi ngàn)</b> đồng Việt Nam.</p> <p>Khoản 2. Công ty có thể <b>thay đổi</b> vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.</p>	<p>Vốn điều lệ thay đổi do quá trình tiến hành tách công ty theo tờ trình về việc tách công ty trình ĐHCĐ bắt thường kỳ này.</p> <p>Theo Khoản 5 Điều 111 Luật DN mới</p>
4	<p><b>Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần</b></p>	<p><b>Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần</b></p> <p>3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty.</p> <p>4. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.</p> <p>5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.</p> <p>6. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.</p> <p>7. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 121 Luật Doanh nghiệp</p> <p>8. Trường hợp chuyển nhượng cho nhà đầu tư nước ngoài phải thực hiện theo luật định.</p>	<p>Bổ sung từ khoản 3 đến khoản 8 chi tiết hơn theo quy định tại Điều 126 Luật DN mới.</p>
5	<p><b>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông</b></p> <p>Cổ đông phổ thông không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì <b>thành viên Hội đồng quản trị</b> và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.</p>	<p><b>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông</b></p> <p>Cổ đông phổ thông không được <b>rút vốn</b> đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì <b>cổ đông đó</b> và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p>	<p>Theo quy định tại Điều 115 khoản 1 Luật DN mới.</p> <p>Cũ: <b>thành viên Hội đồng quản trị</b> và người đại diện theo pháp luật của Công ty</p> <p>Mới: <b>cổ đông đó</b> và người có lợi ích liên quan trong Công ty</p>

<p>6</p>	<p><b>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Khoản 4. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 của Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d, e Khoản 3 Điều này.</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 13 của Điều lệ này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 của Điều lệ này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 13 của Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.</p>	<p><b>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Khoản 4. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày (30) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại theo quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.</p> <p>b. <b>Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.</b></p> <p>c. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định điểm d khoản 3 của Điều này.</p> <p>d. <b>Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.</b></p> <p><b>Khoản 5. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.</b></p>	<p>Khoản 4 sửa lại và bổ sung khoản 5 cho phù hợp Điều 136 Luật DN mới.</p>
<p>7</p>	<p><b>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Khoản 2</p> <p>Điểm l. Quyết định đầu tư hoặc giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ <b>50% trở lên</b> tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>Điểm o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp với giá trị <b>bằng hoặc lớn hơn 20%</b> tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p>	<p><b>Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Khoản 2</p> <p>Điểm l. Quyết định đầu tư hoặc giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị <b>từ 35% trở lên</b> tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>Điểm o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị <b>bằng hoặc lớn hơn 35%</b> tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p>	<p>Theo Điều 135 Luật DN mới</p>

<p>8</p>	<p><b>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Khoản 2</p> <p>Điểm a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng <b>ba mươi ngày trước</b> ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</p> <p>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước <b>ít nhất mười lăm ngày</b> trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).</p>	<p><b>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Khoản 2</p> <p>Điểm a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội <b>không sớm hơn 05 ngày trước</b> ngày gửi giấy mời họp trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</p> <p>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước <b>ít nhất mười ngày</b> trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).</p>	<p>Theo Điều 137 Luật DN mới</p>
<p>9</p>	<p><b>Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho <b>ít nhất 65%</b> tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho <b>ít nhất 51%</b> cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.</p> <p>4. Theo đề nghị <b>Chủ tọa</b> Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này.</p>	<p><b>Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho <b>ít nhất 51%</b> tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <b>ít nhất 33%</b> tổng số phiếu biểu quyết;</p> <p>3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p> <p>4. Chỉ có <b>Đại hội đồng cổ đông</b> mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17 của Điều lệ này.</p>	<p>Sửa lại cho phù hợp với Điều 141 Luật DN mới.</p>

<p>10</p>	<p><b>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Khoản 1.</p> <p>Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty</p> <p>c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.</p> <p>Khoản 2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, đầu tư hoặc giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu biểu quyết các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p> <p>Khoản 4. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện <b>ít nhất 75%</b> tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.</p>	<p><b>Điều 20. Hình thức và điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Khoản 1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>e) Tổ chức lại, giải thể, chấm dứt hoạt động và thanh lý Công ty.</p> <p>Khoản 2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.</p> <p>Khoản 4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện <b>ít nhất 51%</b> tổng số phiếu biểu quyết tán thành;</p>	<p>Sửa lại theo Điều 143 &amp; Điều 144 Luật DN mới</p>
<p>11</p>	<p><b>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p><b>Không quy định thời gian giới</b></p>	<p><b>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Khoản 2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết <b>chậm nhất 10 ngày trước</b> thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 17 Điều lệ này.</p>	<p>Theo Điều 145 Luật DN mới</p>

12	<p><b>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và công bố cho tất cả các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản.</p> <p>Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p><b>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</li> <li>b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>c) Chương trình và nội dung cuộc họp;</li> <li>d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;</li> <li>đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;</li> <li>e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</li> <li>g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</li> <li>h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</li> <li>i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</li> <li>k) Biên bản được lập bằng tiếng Việt</li> </ol> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.</p> <p>3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp và đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty;</p> <p>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Sửa lại nội dung Biên bản họp chi tiết hơn theo Điều 146 Luật DN mới .</p>
----	---	---	---

13	<p><b>Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</b> Khoản 3.</p> <p>Điểm l) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị <b>bằng hoặc lớn hơn 50%</b> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp;</p>	<p><b>Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</b> Khoản 3.</p> <p>Điểm l) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p><b>Điểm m) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn hai mươi (20) tỷ đồng Việt Nam, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;</b></p> <p><b>Điểm u) Được quyền sử dụng nguồn lực của các công ty khác với sự chấp thuận của công ty đó trong hoạt động sản xuất kinh doanh.</b></p>	<p>Theo Điều 149 Luật DN mới</p> <p>Bổ sung điểm m) cho phù hợp thực tế</p> <p>Bổ sung Điểm u nhằm phục vụ đấu thầu</p>
14	<p><b>Điều 17</b></p> <p>7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.</p>	<p><b>Điều 25. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.</p> <p>2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p> <p>3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 24 của Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p>	<p>Bổ sung Điều 25 theo Điều 148 Luật DN mới.</p>
15	<p><b>Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc</b> Khoản 4.</p> <p>Điểm a. Trong các hoạt động sử dụng vốn như: đầu tư trực tiếp, đầu tư gián tiếp, mua sắm hay bán tài sản của Công ty, các giao dịch và hợp đồng khác. Tổng giám đốc được quyền quyết định <b>đến 20%</b> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p>	<p><b>Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc</b> Khoản 4.</p> <p>Điểm a. Trong các hoạt động sử dụng vốn như: đầu tư trực tiếp, đầu tư gián tiếp, mua sắm hay bán tài sản của Công ty, các giao dịch và hợp đồng khác, Tổng giám đốc được quyền quyết định <b>đến dưới hai mươi (20) tỷ đồng Việt Nam;</b></p>	<p>Thay đổi giá trị quyết định</p>
16	<p><b>Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát</b> Khoản 1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là ba thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên</p>	<p><b>Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát</b> Khoản 1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là ba thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. <b>Trường Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.</b></p>	<p>Theo Điều 163 Luật DN mới</p>

	của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên Ban Kiểm soát là cổ đông của công ty làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:	Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:	
17	<b>Điều 40. Cổ tức</b> Không xác định thời hạn thanh toán cổ tức.	<b>Điều 40. Cổ tức</b> Khoản 4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong <b>thời hạn 06 tháng</b> , kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:	Sửa lại theo Điều 132 Luật DN mới
18	<b>Điều 41. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận</b> 1. Sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đã thanh toán đủ (hoặc đã dành phần thanh toán đủ) các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đã đến hạn phải trả, lợi nhuận sau thuế này sẽ được Công ty trích lập các quỹ như sau: a. Quỹ đầu tư phát triển: 5% - 10% b. Quỹ dự phòng tài chính: 5% c. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu: 5% d. Quỹ khen thưởng phúc lợi: từ 5% - 10% 2. Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ sẽ được phân chia cho cổ đông. 3. Nguyên tắc chịu lỗ: phân bổ lỗ theo quy định của pháp luật.	<b>Điều 41. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận</b> 1. Lợi nhuận sau thuế vào cuối năm tài chính, trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông phải trích lập các quỹ như sau: a) Quỹ đầu tư phát triển; b) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu; c) Quỹ khen thưởng phúc lợi 2. Việc trích tỷ lệ % cho các quỹ theo Khoản 1 do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm. 3. Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ sẽ do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định. 4. Nguyên tắc chịu lỗ: phân bổ lỗ theo quy định pháp luật.	Theo Điều 132 Luật DN mới không quy định tỷ lệ % của các Quỹ.
19	<b>Điều 43. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ</b>	<b>Hủy</b>	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ chỉ áp dụng cho công ty chứng khoán, ngân hàng, ...
20	<b>Điều 49. Con dấu</b> Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.	<b>Điều 48. Con dấu</b> 1. Hội đồng quản trị quyết định số lượng, hình thức và nội dung con dấu của Công ty và con dấu được khắc theo quy định.	Sửa theo Điều 44 Luật DN mới



21	Điều lệ cũ không quy định	<p><b>Điều 53. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc</b></p> <p>1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Vi phạm nghĩa vụ người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 160 của Luật doanh nghiệp;</p> <p>b) Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d) Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>đ) Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty sẽ tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.</p>	Bổ sung theo Điều 161 Luật DN mới
----	---------------------------	--	-----------------------------------

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

  
**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHU TỊCH**  
  
**NGUYỄN BÁ TRÍ**